

Số: 21/2020/QĐST-DS

Kiên Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn:

Bà Phạm Thị Bích L1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: USA.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Quốc V, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh An Giang.

1.2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Thành L2, sinh năm 1965;

Bà Trần Thị N, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia cho bà Phạm Thị Bích L1 căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất có vị trí cụ thể:

Diện tích đất có vị trí tứ cận: Chiều ngang cạnh 1 – 7 giáp đường hẻm 17 = 4,37m; chiều dài cạnh 1 – 4 giáp đất Nguyễn Thị Kim L3 = 10,69m; chiều ngang cạnh 4 – 6 = 5m; chiều dài cạnh 6 – 7 giáp phần đất còn lại của ông V1 = 11,93m. Tổng diện tích = 55,6m². Trên đất có căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2011, móng đá, cột gạch, tường xây gạch.

Giá trị nhà đất được chia theo kết quả định giá là: 1.966.127.547 đồng.

2.2. Chia cho ông Nguyễn Thành L2 và bà Trần Thị N căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất có vị trí cụ thể:

Diện tích đất có vị trí tứ cận: Chiều ngang cạnh 7 – 9 giáp đường hẻm 17 = 3,50m; chiều dài cạnh 6 – 7 giáp phần đất còn lại của ông V1 = 11,93m; chiều ngang cạnh 6 – 8 = 3,50m; chiều dài cạnh 8 – 9 giáp đất của Lê Thị N1 = 11,90m. Tổng diện tích = 41,4m². Trên đất có căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2011, móng đá, cột gạch, tường xây gạch.

Giá trị nhà, đất được chia theo kết quả định giá là: 1.475.518.461 đồng.

2.3. Về phần án phí:

Bà Phạm Thị Bích L1 chịu án phí sơ thẩm là 35.491.913 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Phạm Thị Bích L1 đã nộp 18.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000758 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, bà Phạm Thị Bích L1 còn phải nộp tiếp số tiền 17.491.913 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thành L2 và bà Trần Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 28.132.776 đồng.

2.4. Về chi xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá: Bà Phạm Thị Bích L1 tự nguyện chịu toàn bộ số tiền là 9.900.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000085 ngày 16/7/2020 của Công ty TNHH định giá T và 752.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0002085 ngày 15/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, bà L1 đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Bình Đảo

